

Số:858/BC-SNN

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 4 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật phản ánh vướng mắc, hạn chế của hệ thống pháp luật**

Căn cứ Công văn số 466/STP-XD&KTVBQPPL ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Sở Tư pháp về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật phản ánh vướng mắc, hạn chế của hệ thống pháp luật;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả rà soát thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách như sau:

#### **I. Các văn bản mâu thuẫn, chồng chéo**

1. Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã.

#### **\* Nội dung, lý do mâu thuẫn, chồng chéo**

- Nội dung hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã của hai Thông tư hoàn toàn khác nhau. Đối với Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành để hướng dẫn phân loại và đánh giá riêng cho hợp tác xã nông nghiệp; còn Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành nhằm hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã chung cho tất cả các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực nông nghiệp).

- Theo Điều 28 của Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, có quy định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Như vậy, theo quy định để phân loại và đánh giá đối với hợp tác xã nông nghiệp hiện nay thì áp dụng Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT hay Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT (trong khi 02 Thông tư vẫn còn hiệu lực áp dụng).

#### **II. Các văn bản còn hạn chế trong quá trình thực hiện**

1. Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

\* Lý do hạn chế: Theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 1, Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, máy được thẩm định cho vay phải là máy mới; trong khi, các loại máy móc, thiết bị do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất máy trên địa bàn Tỉnh được chế tạo, lắp ráp từ nhiều loại linh kiện khác nhau nên việc xác nhận từng loại linh kiện nhằm chứng minh là máy mới, thiết bị mới đối với doanh nghiệp, cơ sở là rất khó khăn.

2. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

\* Lý do hạn chế: Theo quy định, chính sách tạo điều kiện cho các đối tượng (hợp tác xã, tổ hợp tác) vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, thực tế các đối tượng vay vẫn bị ngân hàng yêu cầu phải nộp sổ đỏ mới được vay vốn. Ngân hàng vẫn xét tài sản của hợp tác xã, tổ hợp tác như là một trong những điều kiện để bảo đảm được vay vốn, nhưng hợp tác xã thường không có tài sản, hoặc tài sản được Nhà nước giao quản lý (kênh mương, trạm bơm,...) thì không được coi là tài sản thế chấp.

3. Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

\* Nội dung và những khó khăn, hạn chế:

- Tại Nghị định 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Trong đó, yêu cầu các sở, ngành, địa phương tập trung vào việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; hỗ trợ kinh phí để di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch. Ngoài ra, theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP, các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư công; được áp dụng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên vay vốn từ các tổ chức tín dụng và các nguồn quỹ. Đây đều là những chính sách nhằm hỗ trợ để duy trì được các ngành nghề truyền thống, cần thiết phải bảo tồn; thúc đẩy các ngành nghề nông thôn phát triển, mang lại thu nhập cao hơn cho khu vực nông thôn.

- Tuy vậy, thông qua các lớp tập huấn với các xã, nhiều đại diện hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân đều bày tỏ những khó khăn trong việc tiếp cận chính sách như:

+ Đối với chính sách vay vốn, điều kiện tiên quyết là phải có tài sản thế chấp, trong khi các hợp tác xã nông nghiệp (*có tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn*), hộ sản xuất trong làng nghề hầu như không có tài sản đảm bảo, Hợp tác xã không có pháp lý để đứng vay. Không tiếp cận được vốn đồng nghĩa với việc không tiếp cận được hỗ trợ lãi suất vay vốn.

+ Vấn đề di dời cơ sở sản xuất ở nông thôn gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư cũng không dễ dàng. Đối với các cơ sở sản xuất gặp khó khăn khi di chuyển, do chủ yếu là cơ sở nhỏ, lẻ theo hộ gia đình nên việc di chuyển tốn kém, phải

đầu tư phân xưởng, trang thiết bị, máy móc,...; cơ sở hạ tầng tại khu sản xuất tập trung đã được quy hoạch chưa được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh.

+ Kinh phí thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững lại hạn chế về đối tượng và địa bàn triển khai thực hiện, cụ thể: Vốn từ chương trình nông thôn mới chỉ hỗ trợ trên địa bàn xã, không hỗ trợ trên địa bàn phường, thị trấn; Vốn từ chương trình giảm nghèo ưu tiên hỗ trợ cho các xã nghèo, xã biên giới.

- Ngoài ra, Nghị định 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn có một số điểm mới so với Nghị định 66/2006/NĐ-CP trước đó, nhất là việc mở rộng đối tượng áp dụng thêm cho tổ hợp tác, hộ gia đình và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý ngành nghề nông thôn. Nghị định cũng giảm tiêu chí công nhận làng nghề xuống, chỉ còn 20% tổng số hộ trên địa bàn nông thôn có hoạt động nghề truyền thống là được Nhà nước công nhận làng nghề (*trước đó là 30%*). Tuy vậy, tỷ lệ này vẫn còn cao so với thực tế tại địa phương. Do đó, một số nghề trên địa bàn Tỉnh hiện nay hoạt động có hiệu quả hàng chục năm, sản phẩm có “tiếng” trên thị trường nhưng vẫn không được công nhận là làng nghề vì không đạt tỷ lệ hộ tham gia theo quy định (như: nem Lai Vung, bánh đa Tân Hồng, Khô cá lóc Tam Nông...).

4. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

\* Lý do hạn chế: Tại Điều 12 và Điều 18 quy định dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi, chăm sóc động vật hoang dã tập trung phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Dự án có quy mô từ 50 động vật hoang dã trở lên: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; đồng thời lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (trừ dự án đầu tư xây dựng cơ sở chỉ chăm sóc động vật hoang dã tập trung).

- Dự án có quy mô từ 05 động vật hoang dã đến dưới 50 động vật hoang dã: Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

Hiện nay, ngành nghề gây nuôi động vật hoang dã chủ yếu mang tính tự phát, quy mô nhỏ lẻ, thiếu định hướng, thị trường tiêu thụ không ổn định, chủ yếu phụ thuộc vào thương lái thu mua.

Trên địa bàn tỉnh, hầu hết các cơ sở nuôi động vật hoang dã theo hình thức chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ, tận dụng diện tích đất vườn nhà xây dựng chuồng trại chăn nuôi để tăng thêm thu nhập; hoạt động nuôi này thiếu ổn định, hiệu quả kinh tế chưa cao nên các cơ sở không có đủ điều kiện về tài chính để thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các loài động vật gây nuôi theo quy định.

Việc áp dụng quy định về việc đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở nuôi động vật hoang dã có quy mô từ 50 động vật hoang dã trở lên, gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục về môi trường.

Kính gửi Sở Tư pháp tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Phước Thiện**